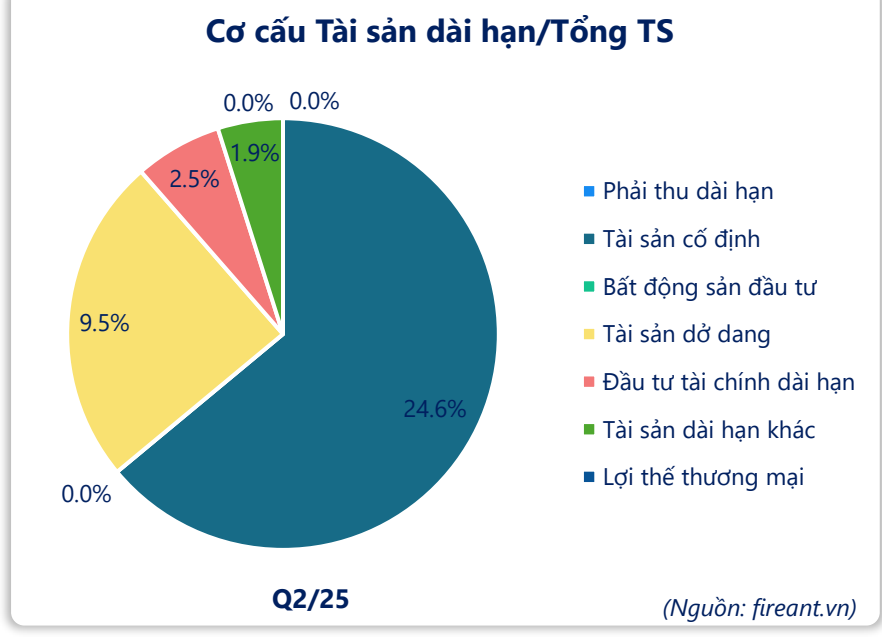
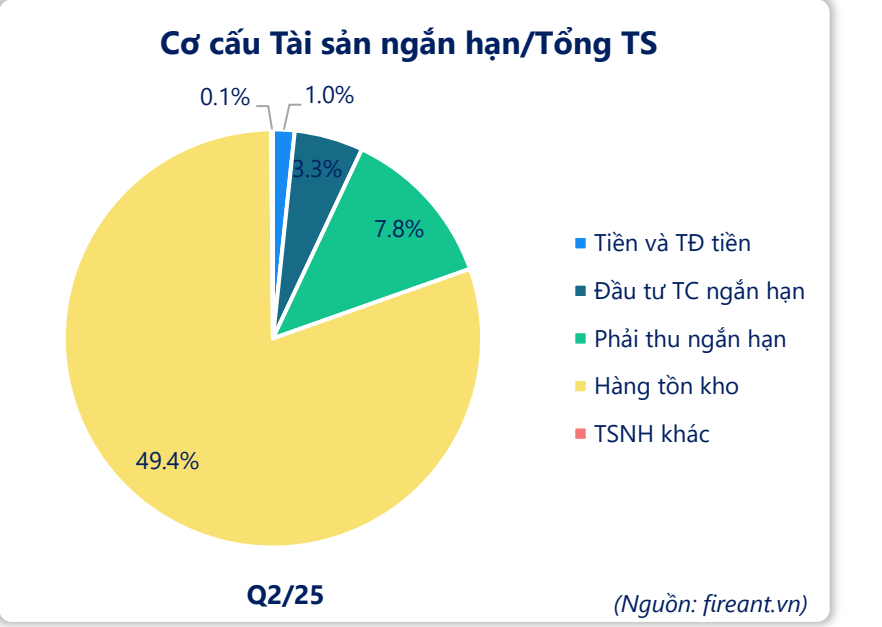
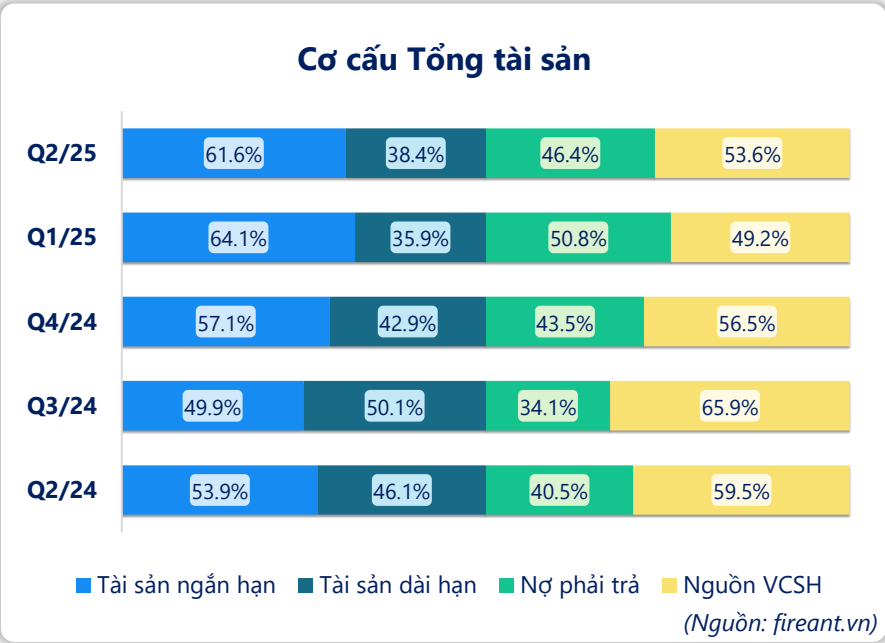
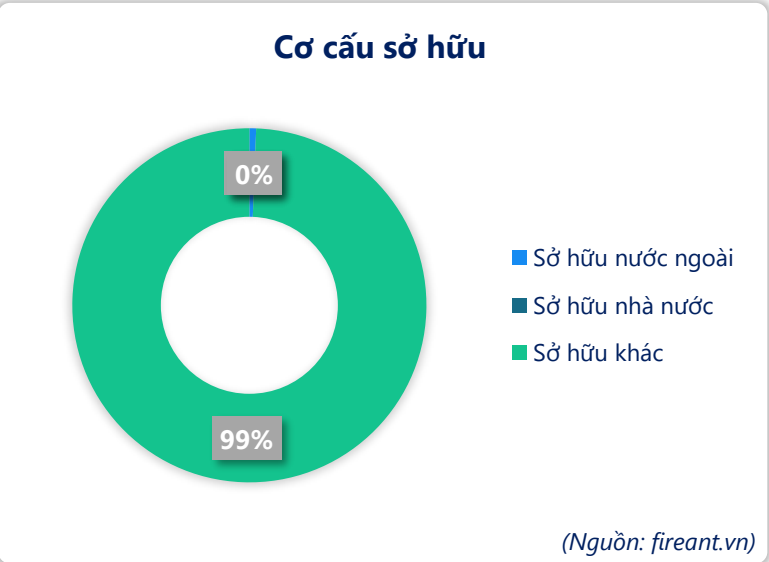
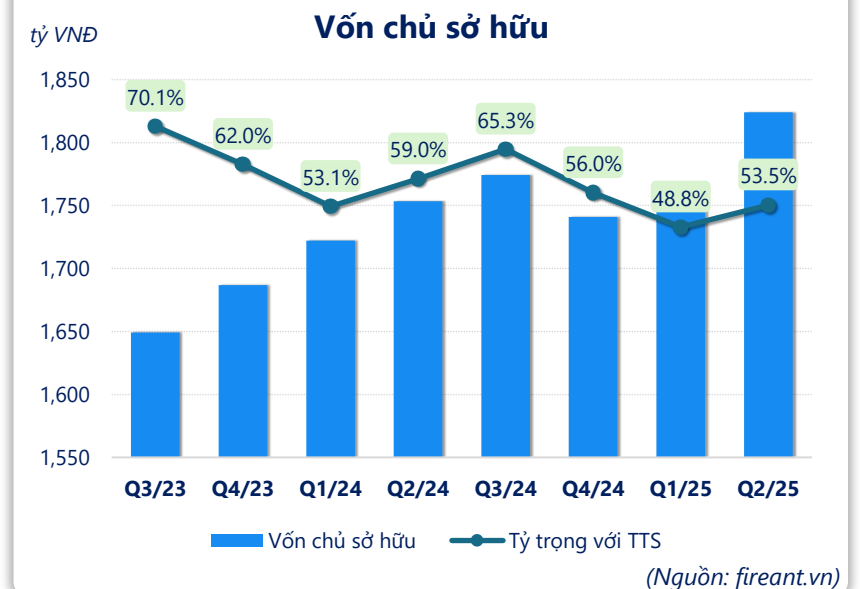
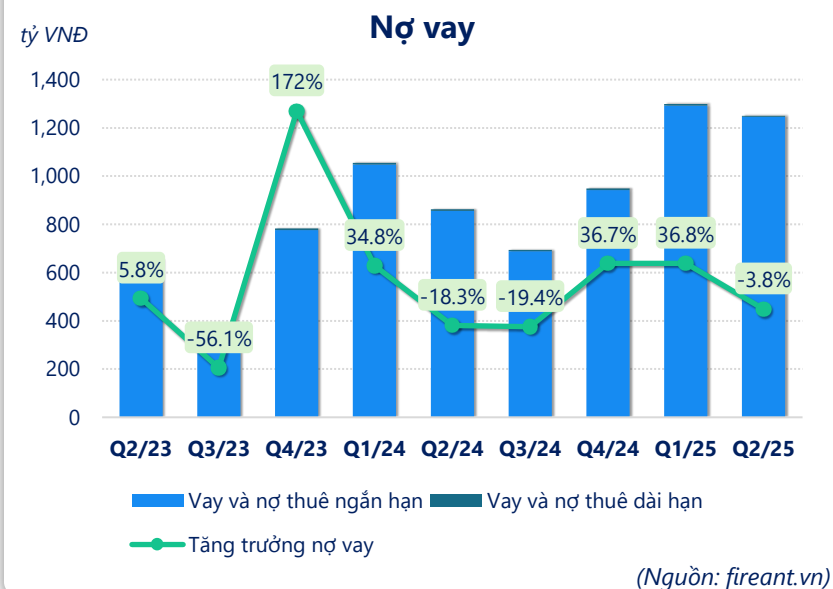
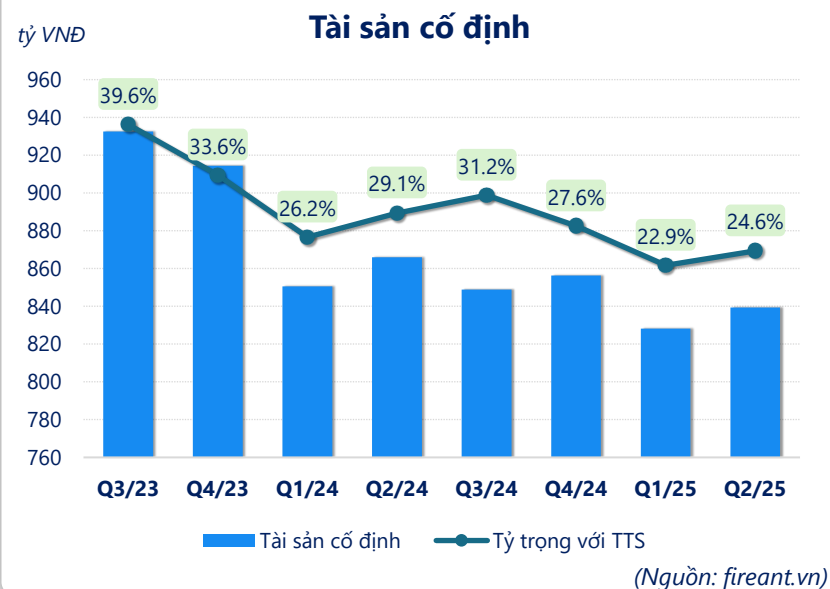
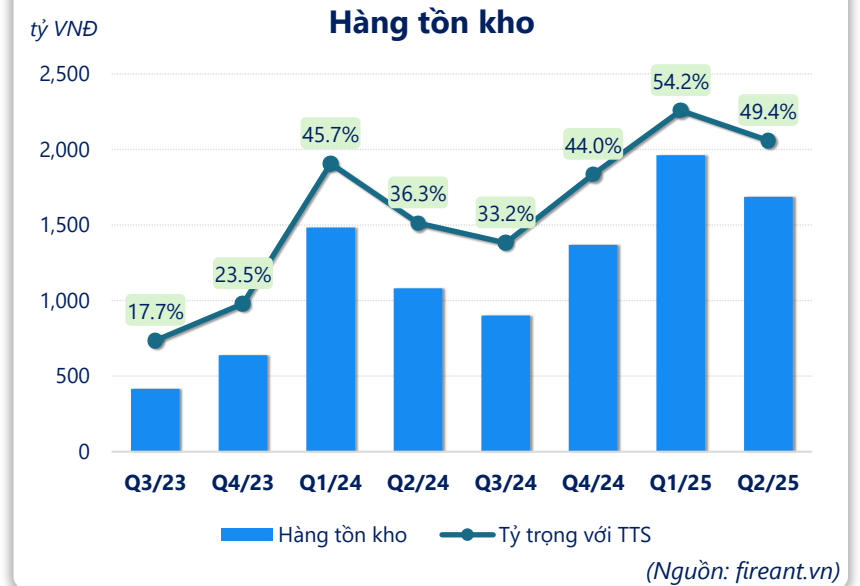
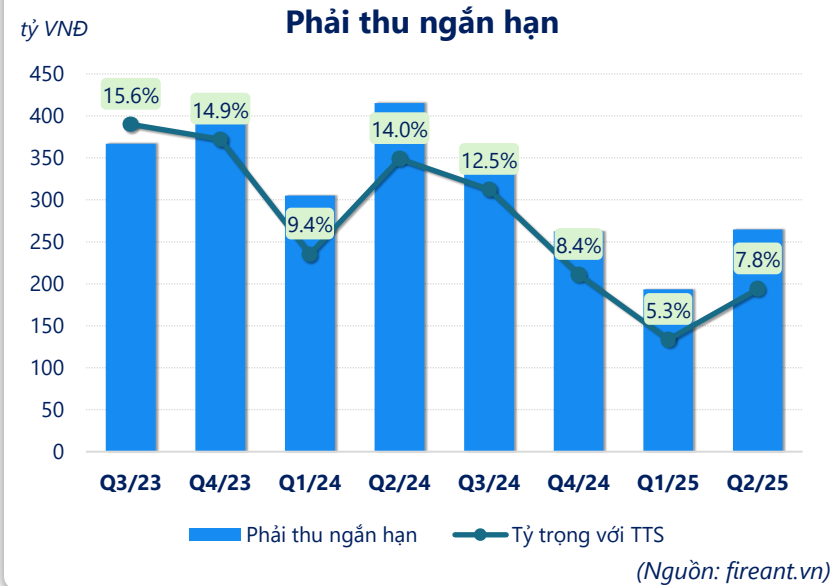
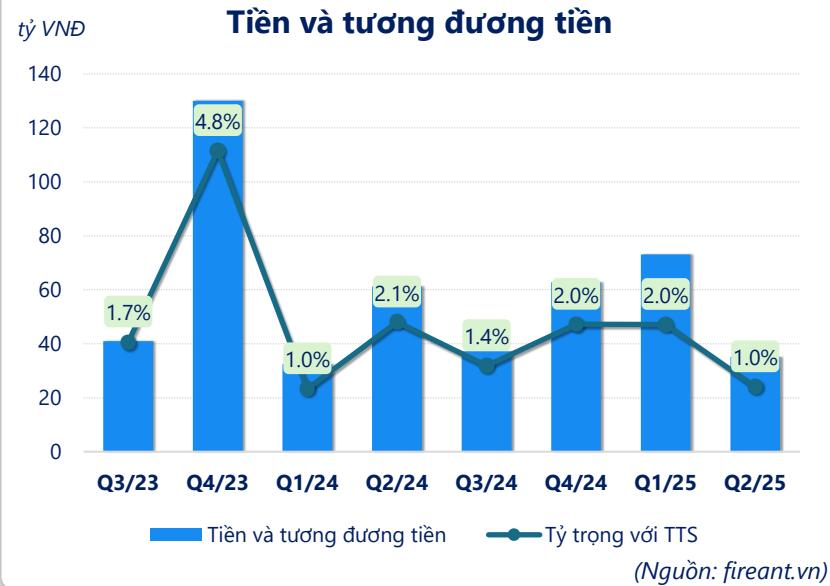
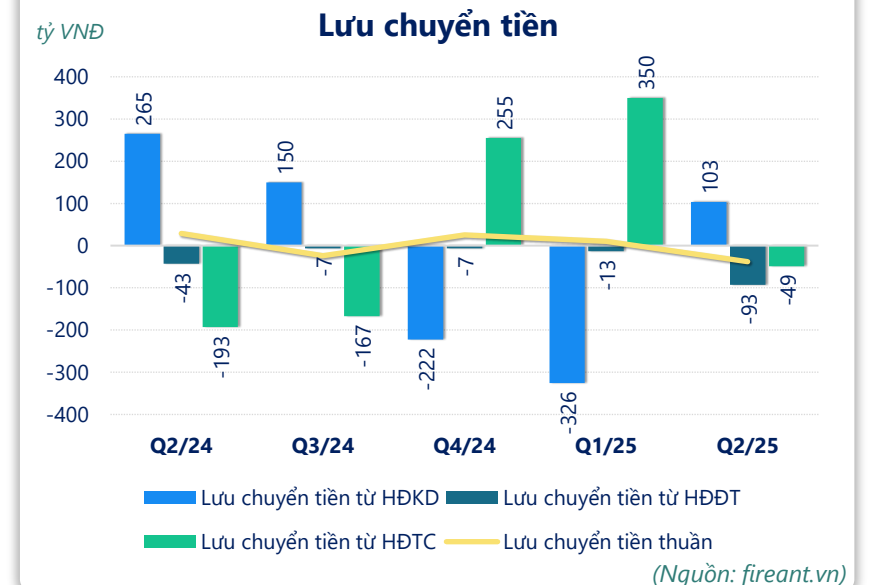
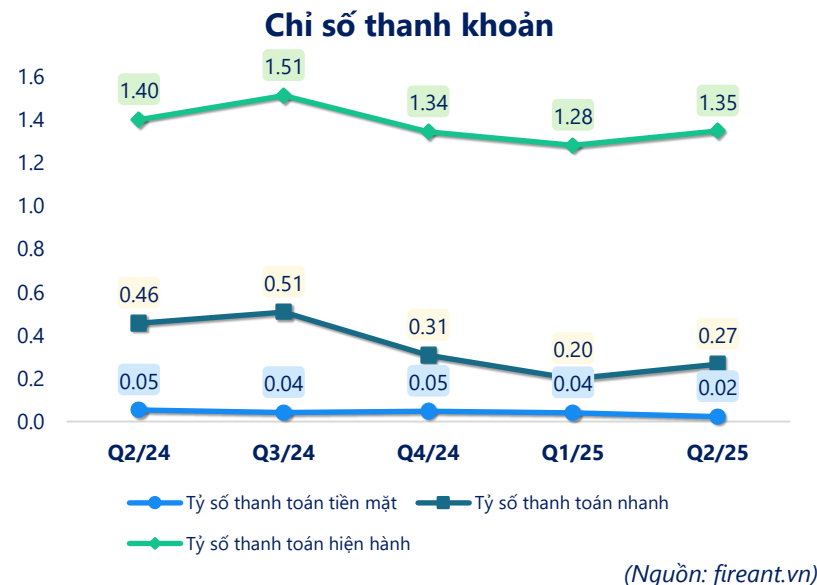
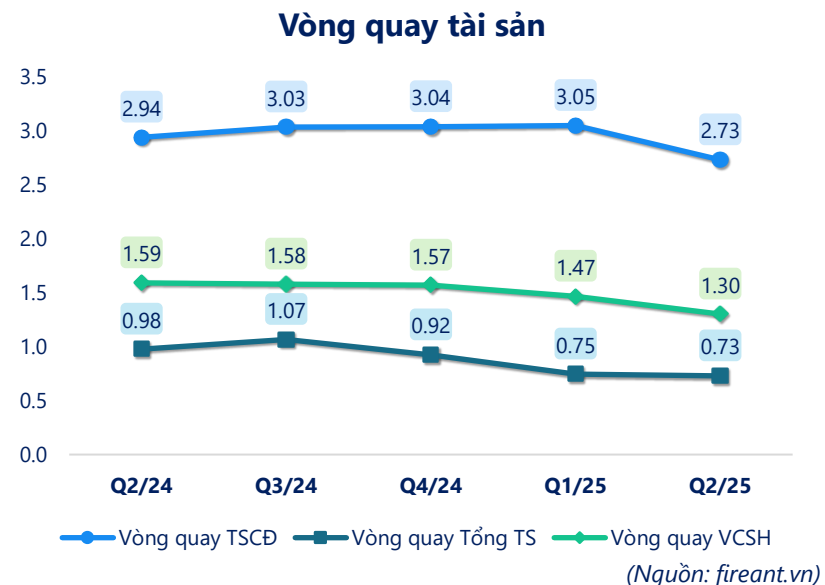
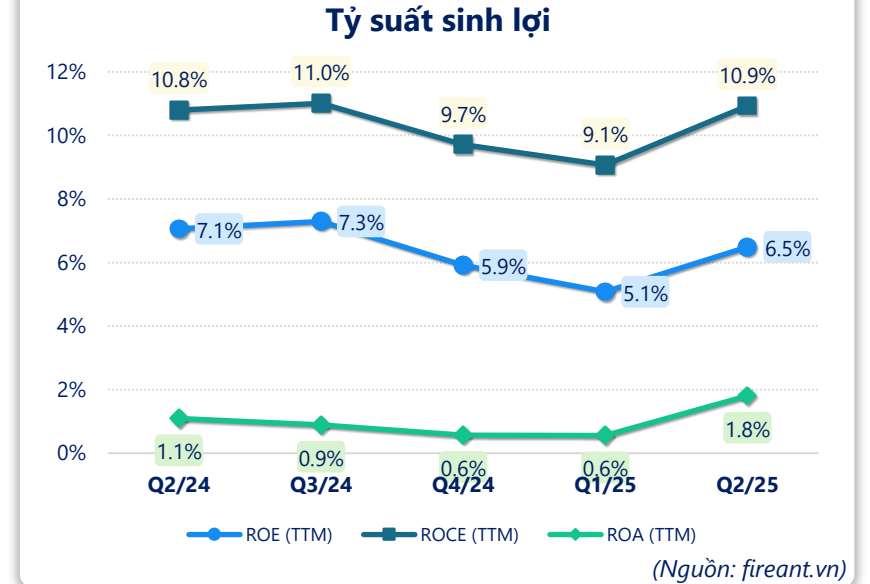
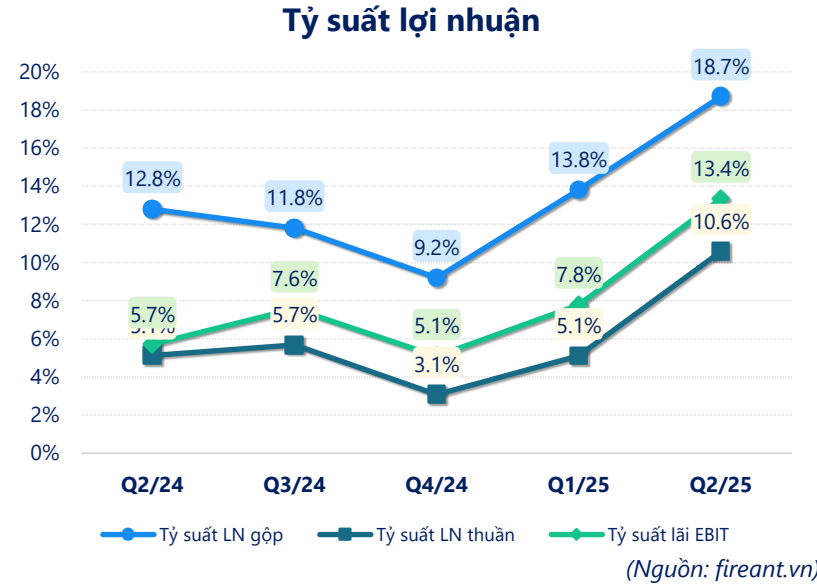
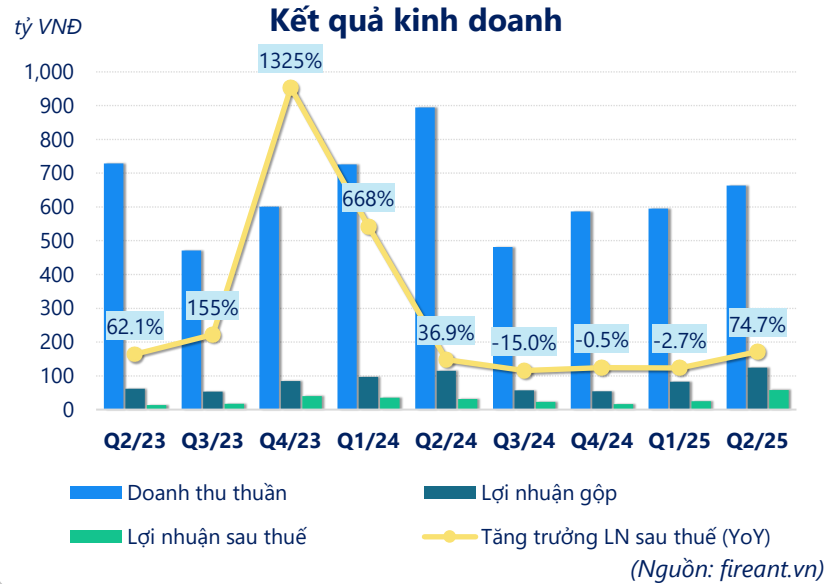


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,614
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,470
SL cổ phiếu LH		85,741,623
KLGD BQ 20 phiên (CP)		227,370
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		793
P/E		6.8
EPS		1,354

	YTD	1T	3T	6T
LSS	-14.6%	-3.6%	-13.1%	-14.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,412	3,106	9.9%
Tài sản ngắn hạn	2,100	1,758	19.5%
Tiền và tương đương tiền	35.1	62.8	-44.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	40.5	176%
Phải thu ngắn hạn	265	245	8.0%
Hàng tồn kho	1,686	1,368	23.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.81	42.1	-93.3%
Tài sản dài hạn	1,312	1,348	-2.7%
Phải thu dài hạn	0	32.9	-100%
Tài sản cố định	839	856	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	323	346	-6.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	85.8	55.8	53.7%
Tài sản dài hạn khác	64.1	56.5	13.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,585	1,350	17.4%
Nợ ngắn hạn	1,558	1,320	18.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,246	943	32.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.5	103	-35.5%
Nợ dài hạn	26.6	30.3	-12.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.74	6.34	-41.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,828	1,756	4.1%
Vốn chủ sở hữu	1,824	1,741	4.8%
Vốn điều lệ	857	801	7.0%
Kinh phí và quỹ khác	3.63	15.1	-76.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	894	482	587	595	664
Giá vốn hàng bán	780	425	533	513	540
Lợi nhuận gộp	114	56.9	54.0	82.2	124
Doanh thu HĐTC	2.88	3.47	5.23	3.98	1.90
Chi phí TC	16.6	12.7	13.3	16.9	19.0
Chi phí lãi vay	13.3	9.48	11.0	16.4	18.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	24.9	10.3	17.7	24.9	16.1
Chi phí QLDN	30.0	10.1	10.2	14.0	20.7
LN thuần từ HĐKD	45.8	27.3	18.1	30.4	70.2
Lợi nhuận khác	-8.02	-0.28	0.82	-0.43	-0.50
LN trước thuế	37.8	27.0	18.9	30.0	69.7
Lợi nhuận sau thuế	31.3	22.9	16.0	24.8	58.3
LNST của CĐ cty mẹ	30.1	22.7	16.7	19.1	57.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	265	150	-222	-326	103
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.2	-6.58	-6.84	-13.3	-92.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-193	-167	255	350	-48.8
Tiền đầu kỳ	32.4	61.2	37.1	62.8	73.1
Lưu chuyển tiền thuần	28.8	-24.1	25.7	10.3	-38.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.02	-0.02	0
Tiền cuối kỳ	61.2	37.1	62.8	73.1	35.1

(Nguồn: fireant.vn)